

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh H đều trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Đỗ Linh Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh H;

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh H đều trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Chị Đỗ Linh Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với anh Trần Phùng H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đỗ Linh Đ và bị đơn anh Trần Phùng H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/3/2016, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hoàn toàn hợp pháp.

Chị Đ và anh H đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qua giấy xác nhận của bà Lê Thị Nở, chị Phan Thị Tố Lệ và anh Huỳnh Tấn Hướng là hàng xóm của vợ chồng chị Đ, anh H khi chung sống ở Phú Yên đều xác nhận mâu thuẫn như chị Đ trình bày là đúng sự thực. Chị Đ và anh H cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ; Xử cho chị Đ được ly hôn với anh H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh H đều trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Linh Đ đối với anh Trần Phùng H về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Đỗ Linh Đ được ly hôn với anh Trần Phùng H.

2/ Về án phí:

Chị Đỗ Linh Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004761 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Đỗ Linh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

